# BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

| BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 14/2014/TT-BVHTTDL | *Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2014* |

## THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn**

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao,*

*Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2011/TT-BVHTTDL ngày 10 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bơi, lặn.*

**Điều 1. Nội dung sửa đổi, bổ sung**

**1. Điểm c Khoản 7 Điều 4 được sửa đổi như sau:**

"c) Nước bể bơi đáp ứng được mức giới hạn các chỉ tiêu chất lượng nước sinh hoạt áp dụng đối với các hình thức khai thác nước của cá nhân, hộ gia đình (Giới hạn tối đa cho phép II) theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN02:2009/BYT) ban hành kèm theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Cụ thể như sau:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giới hạn tối đa cho phép | Phương pháp thử | Mức độ giám sát |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Màu sắc(*) | TCU | 15 | TCVN 6185 - 1996 (ISO 7887 - 1985) hoặc SMEWW 2120 | A |
| 2 | Mùi vị(*) | - | Không có mùi vị lạ | Cảm quan, hoặc SMEWW 2150 B và 2160 B | A |
| 3 | Độ đục(*) | NTU | 5 | TCVN 6184 - 1996 (ISO 7027 - 1990) hoặc SMEWW 2130 B | A |
| 4 | Clo dư | mg/l | - | SMEWW 4500Cl hoặc US EPA 300.1 | A |
| 5 | pH(*) | - | Trong khoảng 6,0 - 8,5 | TCVN 6492:1999 hoặc SMEWW 4500 - $H^+$ | A |
| 6 | Hàm lượng Amoni(*) | mg/l | 3 | SMEWW 4500 - $NH_3$ C hoặc SMEWW 4500 - $NH_3$ D | A |
| 7 | Hàm lượng Sắt tổng số ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$)(*) | mg/l | 0,5 | TCVN 6177 - 1996 (ISO 6332 - 1988) hoặc SMEWW 3500 - Fe | B |
| 8 | Chỉ số Pecmanganat | mg/l | 4 | TCVN 6186:1996 hoặc ISO 8467:1993 (E) | A |
| 9 | Độ cứng tính theo $CaCO_3$(*) | mg/l | - | TCVN 6224 - 1996 hoặc SMEWW 2340 C | B |
| 10 | Hàm lượng Clorua(*) | mg/l | - | TCVN6194 - 1996 (ISO 9297 - 1989) hoặc SMEWW 4500 - $Cl^-$ D | A |
| 11 | Hàm lượng Florua | mg/l | - | TCVN 6195 - 1996 (ISO10359 - 1 - 1992) hoặc SMEWW 4500 - $F^-$ | B |
| 12 | Hàm lượng Asen tổng số | mg/l | 0,05 | TCVN 6626:2000 hoặc SMEWW 3500 - As B | B |
| 13 | Coliform tổng số | Vi khuẩn/ 100ml | 150 | TCVN 6187 - 1,2:1996 (ISO 9308 - 1,2 - 1990) hoặc SMEWW 9222 | A |
| 14 | E. coli hoặc Coliform chịu nhiệt | Vi khuẩn/ 100ml | 20 | TCVN6187 - 1,2:1996 (ISO 9308 -1,2 - 1990) hoặc SMEWW 9222 | A |

Ghi chú: (*) Là chỉ tiêu cảm quan.

Các chỉ tiêu chất lượng nước bể bơi phải được kiểm tra, giám sát theo quy định. Cơ sở thể thao có trách nhiệm lưu mẫu nước (500ml) mỗi lần xét nghiệm ít nhất trong 5 ngày, kể từ ngày kiểm tra. Tài liệu mỗi lần kiểm tra phải lưu hồ sơ và cung cấp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu."

**2. Bổ sung Khoản 11 vào Điều 4 như sau:**

"11. Chế độ kiểm tra, giám sát chất lượng nước bể bơi trong thời gian hoạt động:

a) Đối với các chỉ tiêu thuộc mức độ A:

- Xét nghiệm ít nhất 01 lần/01 tháng do cơ sở thể thao thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, xét nghiệm ít nhất 01 lần/03 tháng do các cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

b) Đối với các chỉ tiêu thuộc mức độ B:

- Xét nghiệm ít nhất 01 lần/03 tháng do cơ sở thể thao thực hiện;

- Kiểm tra, giám sát, xét nghiệm ít nhất 01 lần/06 tháng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

c) Giám sát đột xuất:

- Khi kết quả kiểm tra vệ sinh nguồn nước hoặc điều tra dịch tễ cho thấy nguồn nước có nguy cơ bị ô nhiễm;

- Khi xảy ra sự cố môi trường có thể ảnh hưởng đến chất lượng vệ sinh nguồn nước;

- Khi có các yêu cầu đặc biệt khác;

Việc thực hiện giám sát đột xuất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

d) Các chỉ tiêu có thể được xác định bằng phương pháp thử nhanh, sử dụng bộ công cụ xét nghiệm tại hiện trường. Các bộ công cụ xét nghiệm tại hiện trường phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành."

**3. Bổ sung Khoản 3 vào Điều 7 như sau:**

"3. Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiến hành thanh tra, xử lý theo thẩm quyền các tổ chức, cá nhân khi tổ chức hoạt động bơi, lặn vi phạm các quy định tại Thông tư này."

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Lê Khánh Hải**